

Số: /BC-ĐHTDM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **Năm 2025**

I. Thông tin chung

1.1. Tên trường

- Tên Tiếng Việt: Trường Đại học Thủ Dầu Một.
- Tên Tiếng Anh: Thu Dau Mot University

1.2. Địa chỉ

- Cơ sở 1: Số 06 Trần Văn Ôn, phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Cơ sở 2: Đường DA1, khu phố 5, phường Thới Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Loại hình cơ sở giáo dục

Trường Đại học Thủ Dầu Một là cơ sở giáo dục đại học công lập do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quản lý.

1.4. Sứ mệnh – Tầm nhìn – Mục tiêu

Sứ mệnh: Trường Đại học Thủ Dầu Một là trung tâm văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có năng lực toàn cầu; tích hợp và chuyển hóa tri thức thành các giải pháp, sản phẩm sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế – xã hội bền vững của Thành phố Hồ Chí Minh, Khu vực Đông Nam Bộ và đất nước.

- Tầm nhìn:

+ Đến năm 2035:

Trường Đại học Thủ Dầu Một trở thành đại học đổi mới sáng tạo, thông minh, phát triển bền vững và hạnh phúc; có uy tín trong nước và quốc tế; được xếp hạng trong Top 1000 trường đại học có ảnh hưởng về thực hiện các Mục tiêu Phát triển bền vững (SDGs) theo THE Impact Rankings và thuộc Top 500 trường đại học đổi mới sáng tạo theo bảng xếp hạng WURI.

+ Đến năm 2050:

Trường Đại học Thủ Dầu Một trở thành đại học đổi mới sáng tạo hàng đầu Việt Nam, có uy tín cao trong khu vực châu Á; là trung tâm tri thức, đổi mới sáng tạo và phát triển nhân văn của Thành phố Hồ Chí Minh và đất nước, đóng góp quan trọng vào sự phát triển nhanh, bền vững và hạnh phúc của xã hội.

- Giá trị cốt lõi: Khát vọng - Trách nhiệm - Sáng tạo

Khát vọng: Luôn hướng tới những giá trị mới, không ngừng nỗ lực vươn lên để phát triển và cống hiến.

Trách nhiệm: Trách nhiệm với người học, cộng đồng, xã hội và sự phát triển của đất nước.

Sáng tạo: Động lực đổi mới, tinh thần dân thân, dám nghĩ - dám làm, dám chịu trách nhiệm để kiến tạo giá trị mới.

- Triết lý giáo dục: Học tập chủ động - Nghiên cứu ứng dụng - Đổi mới sáng tạo
- Phục vụ cộng đồng.

1.5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Trường Đại học Thủ Dầu Một có bề dày lịch sử với quá trình hình thành và phát triển từ tháng 3/1976, khi UBND tỉnh Sông Bé quyết định thành lập Trường Trung học Sư phạm trực thuộc Ty Giáo dục Sông Bé. Trường đào tạo giáo viên dạy cấp I với 2 hệ chuẩn là 12+1, 9+3, với quy mô hàng năm từ 400-600 học sinh, sinh viên. Thực hiện chỉ đạo của các bộ ngành, chính quyền địa phương, đến năm 1991, trên cơ sở sáp nhập các trường về sư phạm mẫu giáo, sư phạm cấp II và trung học sư phạm, Trường Cao đẳng Sư phạm Sông Bé được hình thành và trở thành nơi đào tạo giáo viên từ bậc mầm non đến trung học cơ sở của Tỉnh. Đến năm 1997, tỉnh Bình Dương được thành lập (tách tỉnh Sông Bé thành 2 tỉnh Bình Dương và Bình Phước), Trường Cao đẳng Sư phạm Sông Bé đổi tên thành Trường Cao đẳng Sư phạm Bình Dương. Đến tháng 11/2007, Thủ tướng Chính phủ đồng ý về nguyên tắc cho phép thành lập Trường Đại học Thủ Dầu Một trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Sư phạm Bình Dương và ngày 24/6/2009, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 900/QĐ-TTg thành lập Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Trường Đại học Thủ Dầu Một được thành lập trong bối cảnh đất nước bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tốc độ tăng trưởng kinh tế luôn cao và ổn định. Ngay từ khi mới thành lập, Trường Đại học Thủ Dầu Một đã xác định sứ mệnh và mục tiêu xây dựng và phát triển cơ sở đào tạo đại học, sau đại học đa ngành, đa lĩnh vực theo định hướng ứng dụng - thực hành, chất lượng cao ngang tầm các trường đại học lớn trong nước, tiến tới đạt trình độ khu vực và thế giới; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ quá trình phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh Bình Dương, các tỉnh miền Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Tháng 7/2025, Trường Đại học Thủ Dầu Một thay đổi cơ quan chủ quản - trực thuộc UBND TP. Hồ Chí Minh. Trong bối cảnh mới, nhà trường xác định vai trò chiến lược: trở thành trung tâm đào tạo nhân lực chất lượng cao, trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo, góp phần giải quyết các vấn đề thực tiễn, thúc đẩy liên kết giữa giáo dục – doanh nghiệp – xã hội, đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế cho TP. Hồ Chí Minh.

Giai đoạn 2025–2030, Trường hướng tới mô hình đại học hai cấp, tự chủ toàn diện, chuyển đổi số, xây dựng môi trường giáo dục thông minh – hạnh phúc, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của Thành phố Hồ Chí Minh và khu vực.

1.6 Thông tin người đại diện pháp luật

- Người đại diện pháp luật: TS. Đoàn Ngọc Xuân – Hiệu trưởng
- Địa chỉ làm việc: Số 06 Trần Văn Ôn, phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.7. Tổ chức bộ máy

STT	Văn bản	Link
a) Quyết định thành lập cơ sở giáo dục		
1.	Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2009 của Thủ Tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Thủ Dầu Một trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Sư phạm Bình Dương	QĐ 900
b) Văn bản về Hội đồng Trường		
2.	Quyết định số 533/QĐ-UBND ngày 10/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một nhiệm kỳ 2023 - 2028	QĐ 533
3.	Quyết định số 2346/QĐ-UBND ngày 14/9/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc kiện toàn Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một nhiệm kỳ 2023 - 2028.	QĐ 2346
4.	Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc kiện toàn Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một nhiệm kỳ 2023 - 2028	QĐ 644
5.	Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một nhiệm kỳ 2023 - 2028	QĐ 531
c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng		
6.	Quyết định số 2627/QĐ-UBND ngày 10/9/2024 của UBND tỉnh Bình Dương về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một nhiệm kỳ 2023 - 2028	QĐ 2627
7.	Quyết định số 06/QĐ-HĐT ngày 27/9/2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một nhiệm kỳ 2023 - 2028	QĐ 06
8.	Quyết định số 130/QĐ-HĐT ngày 03/6/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một nhiệm kỳ 2023 - 2028	QĐ 130
9.	Quyết định số 131/QĐ-HĐT ngày 20/6/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một nhiệm kỳ 2023 - 2028	QĐ 131
d) Quy chế tổ chức và hoạt động		
10.	Nghị quyết số 36/NQ-HĐT ngày 01/7/2024 của Hội đồng trường	NQ 36

STT	Văn bản	Link
	Trường Đại học Thủ Dầu Một ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một	
11.	Nghị quyết số 91/NQ-HĐT ngày 28/3/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/NQ- HĐT ngày 01/7/2024 của Hội đồng Trường	NQ 91
12.	Nghị quyết số 07/NQ-HĐT ngày 23/9/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐT ngày 01/7/2024 của Hội đồng Trường	NQ 07
đ) Văn bản thành lập các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường		
13.	Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 29/8/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc phê duyệt Đề án rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy Trường Đại học Thủ Dầu Một	NQ 05
14.	Phụ lục 1 - Danh mục các nghị quyết, quyết định thành lập các đơn vị thuộc, trực thuộc	Phụ lục 1
e) Thông tin lãnh đạo Trường và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường		
15.	Phụ lục 2 - Thông tin lãnh đạo Trường và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường	Phụ lục 2
f) Sơ đồ tổ chức bộ máy		
16.	Phụ lục 3 - Sơ đồ tổ chức bộ máy	Phụ lục 3

1.8. Các văn bản khác¹

STT	Văn bản	Link
1.	Nghị quyết số 19/NQ-HĐT ngày 20/12/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Thủ Dầu Một đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050	NQ 19
2.	Nghị quyết số 16/NQ-HĐT ngày 06/02/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một Nghị quyết số 44/NQ-HĐT ngày 29/8/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một Sửa đổi Khoản 1 Điều 24 Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu	NQ 16 NQ 44

¹ Tính đến tháng 4/2026

STT	Văn bản	Link
	Một, ban hành theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐT ngày 06/02/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một	
3.	Nghị quyết số 19/NQ-HĐT ngày 06/02/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Danh mục vị trí việc làm và Khung năng lực vị trí việc làm của Trường Đại học Thủ Dầu Một Nghị quyết số 08/NQ-HĐT ngày 23/9/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc sửa đổi Nghị quyết số 19/NQ-HĐT ngày 06/02/2024 của Hội đồng trường về việc ban hành Danh mục vị trí việc làm và Khung năng lực vị trí việc làm của Trường Đại học Thủ Dầu Một	NQ 19 NQ 08
4.	Quyết định số 866/QĐ-ĐHTDM ngày 29/4/2026 của Trường Đại học Thủ Dầu Một ban hành Quy định chế độ làm việc viên chức, người lao động của Trường Đại học Thủ Dầu Một	QĐ 866
5.	Quyết định số 758/QĐ-ĐHTDM ngày 15/4/2026 của Trường Đại học Thủ Dầu Một ban hành Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Thủ Dầu Một	QĐ 758
6.	Quyết định số 727/QĐ-ĐHTDM ngày 09/4/2026 của Trường Đại học Thủ Dầu Một ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Thủ Dầu Một	QĐ 727
7.	Quyết định số 475/QĐ-ĐHTDM ngày 30/9/2025 của Trường Đại học Thủ Dầu Một ban hành Quy chế đào tạo đại học theo học chế tín chỉ	QĐ 475
8.	Quyết định số 901/QĐ-ĐHTDM ngày 31/10/2025 của Trường Đại học Thủ Dầu Một ban hành Quy chế Công tác người học tại Trường Đại học Thủ Dầu Một	QĐ 901
9.	Quyết định số 921/QĐ-ĐHTDM ngày 31/10/2025 của Trường Đại học Thủ Dầu Một ban hành Quy chế học bổng với sinh viên hệ chính quy Trường Đại học Thủ Dầu Một	QĐ 921
10.	Nghị quyết số 31/NQ-HĐT ngày 15/4/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một ban hành Quy chế tài chính của Trường Đại học Thủ Dầu Một	NQ 31
11.	Nghị quyết số 17/NQ-HĐT ngày 20/12/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một ban hành Quy chế tiền thưởng của Trường Đại học Thủ Dầu Một	NQ 17
12.	Quyết định số 872/QĐ-ĐHTDM ngày 31/10/2025 của Trường Đại học Thủ Dầu Một ban hành Quy chế hoạt động Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của Trường Đại học Thủ Dầu Một	QĐ 872

STT	Văn bản	Link
13.	Quyết định số 233/QĐ-ĐHTDM ngày 04/02/2026 của Trường Đại học Thủ Dầu Một ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Tạp chí Khoa học Đại học Thủ Dầu Một	QĐ 233
14.	Quyết định số 220/QĐ-ĐHTDM ngày 30/01/2026 của Trường Đại học Thủ Dầu Một ban hành Quy chế Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Trường Đại học Thủ Dầu Một	QĐ 220

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian

TT	Chỉ số đánh giá	Năm học 2025-2026	Năm học trước liền kề
1	Tỷ lệ người học quy đổi trên giảng viên	40%	25.92%
2	Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	98.81%	96.62%
3	Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	40.04%	33%

2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1	Giảng viên toàn thời gian						
1.1	Trình độ Đại học						
1	Lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	73		47	26	2	
2	Lĩnh vực Nghệ thuật	33		22	11	1	
3	Lĩnh vực Nhân văn	72		56	16	3	
4	Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi	45		25	20	2	
5	Lĩnh vực Báo chí và thông tin	14		8	6		
6	Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý	123		98	25	4	
7	Lĩnh vực Pháp luật	35		28	7	3	
8	Lĩnh vực Khoa học sự sống	20		8	12	1	
9	Lĩnh vực Khoa học tự nhiên	16		6	10	2	
10	Lĩnh vực Toán và thống kê	13		8	5	1	
11	Lĩnh vực Máy tính và công	61		37	24	2	

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
	nghệ thông tin						
12	Lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật	78		58	20	1	
13	Lĩnh vực Kỹ thuật	53		27	26	2	
14	Lĩnh vực Sản xuất và chế biến	29		14	15	2	
15	Lĩnh vực Kiến trúc và xây dựng	40		30	10		
16	Lĩnh vực Dịch vụ xã hội	10		4	6		
17	Lĩnh vực Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	15		10	5	1	
18	Lĩnh vực Môi trường và bảo vệ môi trường	16		8	8	2	
1.2	Trình độ Thạc sĩ						
1	Lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	11			10	1	
2	Lĩnh vực Nhân văn	30			30	3	
3	Lĩnh vực kinh doanh và quản lý	22			22	5	
4	Lĩnh vực Pháp luật	10			10	3	
5	Lĩnh vực Khoa học tự nhiên	14			14	3	
6	Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin	8			8	2	
7	Lĩnh vực Dịch vụ xã hội	9			9	2	
1.3	Trình độ Tiến sĩ						
1	Lĩnh vực Nhân văn	11			11	1	
2	Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động						
2.1	Trình độ Đại học						
1	Lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	73		47	26	2	
2	Lĩnh vực Nghệ thuật	33		22	11	1	
3	Lĩnh vực Nhân văn	69		56	13	2	
4	Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi	44		25	19	1	

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
5	Lĩnh vực Báo chí và thông tin	14		8	6		
6	Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý	123		98	25	4	
7	Lĩnh vực Pháp luật	34		28	6	2	
8	Lĩnh vực Khoa học sự sống	20		8	12	1	
9	Lĩnh vực Khoa học tự nhiên	16		6	10	2	
10	Lĩnh vực Toán và thống kê	13		8	5	1	
11	Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin	60		37	23	2	
12	Lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật	77		58	19	1	
13	Lĩnh vực Kỹ thuật	52		27	25	1	
14	Lĩnh vực Sản xuất và chế biến	29		14	15	2	
15	Lĩnh vực Kiến trúc và xây dựng	39		30	9		
16	Lĩnh vực Dịch vụ xã hội	10		4	6		
17	Lĩnh vực Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	15		10	5	1	
18	Lĩnh vực Môi trường và bảo vệ môi trường	16		8	8	2	
2.2	Trình độ Thạc sĩ						
1	Lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	11			11	1	
2	Lĩnh vực Nhân văn	28			28	2	
3	Lĩnh vực kinh doanh và quản lý	21			21	5	
4	Lĩnh vực Pháp luật	9			9	2	
5	Lĩnh vực Khoa học tự nhiên	14			14	3	
6	Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin	8			8	2	
	Lĩnh vực Dịch vụ xã hội	8			8	1	
2.3	Trình độ Tiến sĩ						

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
	Lĩnh vực Nhân văn	11			11	1	

3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ²

TT	Chỉ số	Năm học 2025-2026	Năm học trước liền kề
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	33	30
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	145	119
3	Tỷ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	35.39%	26.65%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2025	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Diện tích đất/người học (m ²)	722,634 m ² /21,163 người học	722,634 m ² /18,235 người học
2	Diện tích sàn/người học (m ²)	59,593 m ² /21,163 người học	59,593 m ² /18,235 người học
3	Tỷ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	100%	100%
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	648.3	484
5	Số bản sách/người học	5.1	4.9
6	Tỷ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	17%	15.01%
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	409.6 Mbps/ 1,000 người học	307.2 Mbps/ 1,000 người học

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trụ sở chính – Cơ sở Trần Văn Ôn (01)	Số 6, đường Trần Văn Ôn, phường Phú Lợi, TP. Hồ Chí Minh	66,440	40,000
2	Cơ sở Bến Cát (02)	Phường Thới Hòa, TP. Hồ Chí Minh	576,194	6,217

² Chỉ tính số cán bộ quản lý và nhân viên các đơn vị hành chính phục vụ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ hỗ trợ cán bộ và sinh viên; không tính các đơn vị sản xuất, kinh doanh và dịch vụ hạch toán riêng.

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
Tổng cộng			722,634	59,593

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm ³	Kinh phí (triệu đồng)
1	Xây mới tòa nhà	Không	0
2	Nâng cấp tòa nhà	Không	0
3	Đầu tư mới phòng thí nghiệm	Không	0
4	Nâng cấp phòng thí nghiệm, gói thầu: Sửa chữa, cải tạo các phòng thí nghiệm, thực hành các khối A3, C phục vụ năm học mới 2025-2026.	Số 6, đường Trần Văn Ôn, phường Phú Lợi, TP. Hồ Chí Minh.	1,119.1
Tổng cộng:			1,119.1

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh (VNU-HCM CEA).

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học.

- Mức độ đạt kiểm định: Đạt chuẩn chất lượng

- Thời gian hiệu lực: từ ngày 29 tháng 3 năm 2023 đến ngày 28 tháng 3 năm 2028.

2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
I. Bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo					
1.	7140217	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội	30/3/2020 - 30/3/2025
2.	7140218	Sư phạm Lịch sử	Sư phạm Lịch sử	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc	30/3/2020 - 30/3/2025

³ Ghi: Trụ sở chính, tên cơ sở hoặc phân hiệu

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
				gia Hà Nội	
3.	7140202	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội	30/3/2020 - 30/3/2025
4.	7140201	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội	30/3/2020 - 30/3/2025
5.	7220201	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh	26/2/2021- 26/2/2026
6.	7380101	Luật	Luật	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh	26/2/2021- 26/2/2026
7.	7140101	Giáo dục học	Giáo dục học	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh	26/2/2021- 26/2/2026
8.	7850101	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh	26/2/2021- 26/2/2026
9.	7580101	Kiến trúc	Kiến trúc	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh	28/5/2021- 28/5/2026
10.	7580201	Kỹ thuật xây dựng	Kỹ thuật xây dựng	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh	28/5/2021- 28/5/2026
11.	7760101	Công tác xã hội	Công tác xã hội	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh	28/5/2021- 28/5/2026
12.	8760101	Công tác xã hội	Công tác xã hội	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh	01/8/2022 - 01/8/2027

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
13.	8140114	Quản lý giáo dục	Quản lý giáo dục	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh	01/8/2022 - 01/8/2027
14.	8340101	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh	01/8/2022 - 01/8/2027
15.	8220201	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh	01/8/2022 - 01/8/2027
16.	8220121	Văn học Việt Nam	Văn học Việt Nam	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh	01/8/2022 - 01/8/2027
17.	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	Ngôn ngữ Trung Quốc	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh	01/8/2022 - 01/8/2027
18.	7510601	Quản lý công nghiệp	Quản lý công nghiệp	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh	01/8/2022 - 01/8/2027
19.	7850103	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh	01/8/2022 - 01/8/2027
20.	7310205	Quản lý nhà nước	Quản lý nhà nước	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh	01/8/2022 - 01/8/2027
21.	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn	17/11/2025-16/11/2030
22.	7310401	Tâm lý học	Tâm lý học	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn	17/11/2025-16/11/2030
23.	7210403	Thiết kế đồ họa	Thiết kế đồ họa	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn	17/11/2025-16/11/2030
24.	7460101	Toán học	Toán học	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn	17/11/2025-16/11/2030

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
				dục Sài Gòn	
25.	8480104	Hệ thống thông tin	Hệ thống thông tin	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn	17/11/2025-16/11/2030
26.	8340301	Kế toán	Kế toán	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn	17/11/2025-16/11/2030
27.	8440301	Khoa học môi trường	Khoa học môi trường	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn	17/11/2025-16/11/2030
28.	8380107	Luật kinh tế	Luật kinh tế	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn	17/11/2025-16/11/2030
II. Bộ tiêu chuẩn AUN-QA					
29.	7480103	Kỹ thuật phần mềm	Kỹ thuật phần mềm	ASEAN University Network - Quality Assurance (Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN)	19/01/2020 - 18/01/2025
30.	7440112	Hoá học	Hoá học	ASEAN University Network - Quality Assurance (Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN)	19/01/2020 - 18/01/2025
31.	7520201	Kỹ thuật điện	Kỹ thuật điện	ASEAN University Network - Quality Assurance (Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN)	19/01/2020 - 18/01/2025
32.	7340101	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	ASEAN University Network - Quality Assurance (Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN)	19/01/2020 - 18/01/2025
33.	7480104	Hệ thống thông tin	Hệ thống thông tin	ASEAN University Network - Quality Assurance (Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN)	24/07/2022-23/7/2027

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
				học ASEAN)	
34.	7340301	Kế toán	Kế toán	ASEAN University Network - Quality Assurance (Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN)	24/07/2022-23/7/2027
35.	7440301	Khoa học môi trường	Khoa học môi trường	ASEAN University Network - Quality Assurance (Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN)	24/07/2022-23/7/2027
36.	7340201	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng	ASEAN University Network - Quality Assurance (Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN)	24/07/2022-23/7/2027

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo⁴

TT	Chỉ số đánh giá	Chỉ tiêu được giao năm 2025	Kết quả đạt được năm 2025	Kết quả năm trước liền kề
I	Đại học			
1	Tỷ lệ nhập học trung bình 3 năm		85.37%	97.14%
2	Tỷ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm		36.09%	10.21%
3	Tỷ lệ thôi học	<10%	5.1%	5.94%
4	Tỷ lệ thôi học năm đầu	<15%	3.97%	2.65%
5	Tỷ lệ tốt nghiệp		51.78%	62.57%
6	Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn		50.80%	59.94%
7	Tỷ lệ người học hài lòng với giảng viên	75%	87.35%	80%
8	Tỷ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	75%	78.69%	79.72%

⁴ Bao gồm các chỉ số theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 5 (Tuyển sinh và đào tạo) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học.

TT	Chỉ số đánh giá	Chỉ tiêu được giao năm 2025	Kết quả đạt được năm 2025	Kết quả năm trước liền kề
9	Tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	70%	83.01%	82%
II	Sau đại học			
1	Tỷ lệ nhập học trung bình 3 năm		65.04%	49.08%
2	Tỷ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm		31.85%	-30.82%
3	Tỷ lệ thôi học		5.65%	0.64%
4	Tỷ lệ thôi học năm đầu		2.62%	0%
5	Tỷ lệ tốt nghiệp		32.75%	50.58%
6	Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn		43.40%	31.50%
7	Tỷ lệ người học hài lòng với giảng viên	75%	96.62%	80%
8	Tỷ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	75%	90.57%	79.72%

2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp trong năm

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm
I	Đại học	20,445	6,583⁵	2,855	
1	<i>Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên</i>	1,354	518	356	80.84%
1.1	Chính quy	1,314	485	356	80.84%
1.2	Vừa làm vừa học	34	33	0	
1.3	Liên thông chính quy	6	0	0	
2	<i>Nghệ thuật</i>	533	117	49	80.56%
2.1	Chính quy	533	117	50	80.56%
2.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	
3	<i>Nhân văn</i>	2,758	794	535	86.76%

⁵ Trong đó gồm 6.564 sinh viên tuyển sinh và 20 sinh viên Lào nhập học theo thỏa thuận hợp tác. Có 01 sinh viên nghỉ học tính đến 31/12/2025.

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm
3.1	Chính quy	2,389	645	521	86.76%
3.2	Vừa làm vừa học	369	149	14	
4	<i>Khoa học xã hội và hành vi</i>	1,479	441	121	80.26%
4.1	Chính quy	1,479	441	121	80.26%
4.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	
5	<i>Báo chí và thông tin</i>	356	91	25	(*)
5.1	Chính quy	356	91	25	(*)
5.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	
6	<i>Kinh doanh và quản lý</i>	4,010	1,135	621	85.20%
6.1	Chính quy	3,943	1,113	611	85.20%
6.2	Vừa làm vừa học	67	22	10	
7	<i>Pháp luật</i>	1,402	446	214	77.57%
7.1	Chính quy	1,265	446	201	77.57%
7.2	Vừa làm vừa học	137	0	13	
8	<i>Khoa học sự sống</i>	216	53	12	(*)
8.1	Chính quy	216	53	12	(*)
8.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	
9	<i>Khoa học tự nhiên</i>	194	102	17	81.25%
9.1	Chính quy	194	102	17	81.25%
9.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	
10	<i>Toán và thống kê</i>	279	123	17	84.62%
10.1	Chính quy	253	97	17	84.62%
10.2	Vừa làm vừa học	26	26	0	
11	<i>Máy tính và công nghệ thông tin</i>	1,811	656	147	81.37%
11.1	Chính quy	1,797	656	147	81.37%

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm
11.2	Vừa làm vừa học	14	0	0	
12	<i>Công nghệ kỹ thuật</i>	1,929	454	353	81.03%
12.1	Chính quy	1,929	454	353	81.03%
12.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	
13	<i>Kỹ thuật</i>	1,438	592	114	79.03%
13.1	Chính quy	1,426	592	114	79.03%
13.2	Vừa làm vừa học	12	0	0	
14	<i>Sản xuất và chế biến</i>	550	264	73	82.00%
14.1	Chính quy	550	264	73	82.00%
14.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	
15	<i>Kiến trúc và xây dựng</i>	686	269	75	79.69%
15.1	Chính quy	686	269	75	79.69%
15.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	
16	<i>Dịch vụ xã hội</i>	281	91	14	80.00%
16.1	Chính quy	281	91	14	80.00%
16.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	
17	<i>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</i>	489	224	37	81.25%
17.1	Chính quy	489	224	37	81.25%
17.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	
18	<i>Môi trường và bảo vệ môi trường</i>	680	213	75	78.43%
18.1	Chính quy	680	213	75	78.43%
18.2	Vừa làm vừa học	0	0	0	
II	Thạc sĩ (và trình độ tương đương)	712	342⁶	94	100%

⁶ Tuyển sinh 346 học viên thạc sĩ nhưng có 04 học viên nghỉ học tính đến 31/12/2025.

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm
1	Lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	140	72	30	100%
2	Lĩnh vực Nhân văn	74	45	10	100%
3	Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý	259	112	25	100%
4	Lĩnh vực Pháp luật	113	46	15	100%
5	Lĩnh vực Khoa học tự nhiên	40	29	6	100%
6	Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin	51	28	8	100%
7	Lĩnh vực Dịch vụ xã hội	35	10	0	100%
III	Tiến sĩ	6	0	0	100%
1	Lĩnh vực Nhân văn	6	0	0	100%

(*): Khóa đầu tiên tốt nghiệp trong năm 2025, chưa đến giai đoạn khảo sát việc làm.

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2025	Năm trước liền kề
1	Tỷ trọng thu khoa học-công nghệ	3.5%	0.33%
2	Bình quân công bố khoa học/giảng viên	1.51	2.07
3	Bình quân công bố WoS, Scopus/giảng viên	0.32	0.3

2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm
1	Đề tài cấp Nhà nước	0	0
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh	3	1,000,000,000
3	Đề tài cấp cơ sở	49	4,925,780,800
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)	0	0
5	Đề tài hợp tác quốc tế	1	565,608,315
	Tổng số	53	6,491,389,115

3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	Năm 2025	Năm trước liền kề
----	--------------------	----------	-------------------

TT	Công trình công bố	Năm 2025	Năm trước liền kề
1	Tổng số bài báo khoa học được HDGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	596	449
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	163	160
3	Tổng số sách chuyên khảo, giáo trình, tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	06 tài liệu cho biên soạn, 04 tài liệu được nghiệm thu	02 tài liệu cho biên soạn, 02 tài liệu được nghiệm thu
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	01 sáng chế đăng ký mới, 01 sáng chế được cấp bằng	
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	01 kiểu dáng công nghiệp được cấp bằng, 01 nhãn hiệu được cấp bằng	01 giải pháp hữu ích được cấp bằng, 01 nhãn hiệu đăng ký mới

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

TT	CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ	Năm 2025	Năm trước liền kề
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	29.93%	23.86%
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	11.18%	17.15%

2. Kết quả thu chi hoạt động

	CHỈ SỐ THỐNG KÊ	Năm 2025	Năm trước liền kề
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	561.54	659.71
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	0	0
II	Thu giáo dục và đào tạo	535.77	659.64
1	Học phí, lệ phí từ người học	497.98	584.25
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	35.98	35.33
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0.98	0
4	Thu khác	0.83	40.06
III	Thu khoa học và công nghệ	25.27	0.07
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	0.27	0.07
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0	0
3	Thu khác	25	0
IV	Thu nhập khác (thu nhập ròng)	0.5	0
	<i>Tổng nguồn thu học phí và hỗ trợ chi thường xuyên</i>	<i>497.98</i>	<i>584.25</i>
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	498.41	410.56
I	Chi lương, thu nhập	118.16	75.17
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	97.5	50.49
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	20.66	24.68

	CHỈ SỐ THỐNG KÊ	Năm 2025	Năm trước liên kế
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	263.61	222.89
1	Chi cho đào tạo	35.16	11.48
2	Chi cho nghiên cứu	21.94	21.17
3	Chi cho phát triển đội ngũ	15.55	1.32
4	Chi phí chung và chi khác	190.96	188.92
III	Chi hỗ trợ người học	103.87	110.33
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	85.05	76.8
2	Chi hoạt động nghiên cứu	0.81	2.59
3	Chi hoạt động khác	18.01	30.94
IV	Chi khác	12.77	2.17
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	63.13	249.15
	Chênh lệch thu chi/Tổng thu	11.24	37.77

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2025 của Trường Đại học Thủ Dầu Một theo tinh thần Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- Lãnh đạo Trường;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường;
- Website Trường;
- Lưu: VT, VP, Th (1).

HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Ngọc Xuân

PHỤ LỤC 1

**Danh mục các nghị quyết, quyết định thành lập đơn vị thuộc, trực thuộc
Trường Đại học Thủ Dầu Một**

*(Kèm theo Báo cáo /BC-ĐHTDM ngày /6/2026
của Trường Đại học Thủ Dầu Một)*

STT	Văn bản	Link
I. Khối tham mưu, phục vụ		
1.	Quyết định số 46/QĐ-HĐT ngày 29/9/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc điều chỉnh chức năng của Văn phòng	QĐ 46
2.	Quyết định số 08/QĐ-HĐT ngày 29/9/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc đổi tên gọi Ban Chăm sóc và hỗ trợ người học thành Ban Hỗ trợ người học	QĐ 08
3.	Quyết định số 48/QĐ-HĐT ngày 29/9/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc đổi tên gọi Ban Kế hoạch và cơ sở vật chất, kỹ thuật thành Ban Cơ sở vật chất	QĐ 48
4.	Quyết định số 49/QĐ-HĐT ngày 29/9/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc đổi tên gọi Ban Kiểm toán nội bộ thành Ban Kiểm soát nội bộ; và điều chỉnh chức năng của Ban Kiểm soát nội bộ	QĐ 49
5.	Quyết định số 09/QĐ-HĐT ngày 29/9/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc đổi tên gọi Ban Khảo thí, kiểm định và đảm bảo chất lượng thành Ban Đảm bảo chất lượng	QĐ 09
6.	Quyết định số 47/QĐ-HĐT ngày 29/9/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc đổi tên gọi Ban Khoa học và hợp tác quốc tế thành Ban Khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế	QĐ 47
7.	Quyết định số 11/QĐ-HĐT ngày 29/9/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc đổi tên gọi Ban Tài chính – Kế toán thành Ban Tài chính	QĐ 11
8.	Quyết định số 78/QĐ-HĐT ngày 17/7/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Ban Tuyển sinh và truyền thông	QĐ 78
9.	Quyết định số 76/QĐ-HĐT ngày 17/7/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Ban Thư viện và học liệu	QĐ 76
10.	Quyết định số 18/QĐ-HĐT ngày 29/9/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc đổi tên gọi Ban Tổ chức nhân sự, thanh tra và pháp chế thành Ban Tổ chức – Nhân sự	QĐ 18

STT	Văn bản	Link
11.	Quyết định số 20/QĐ-HĐT ngày 29/9/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Ban Quản lý đào tạo trên cơ sở hợp nhất Ban Quản lý đào tạo đại học và Ban Quản lý đào tạo sau đại học	QĐ 20
12.	Quyết định số 42/QĐ-HĐT ngày 29/9/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc xác định lại địa vị pháp lý và điều chỉnh chức năng của Cơ sở Bến Cát	QĐ 42
13.	Quyết định số 24/QĐ-HĐT ngày 29/9/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc đổi tên gọi Trung tâm Dịch vụ, hợp tác doanh nghiệp và khởi nghiệp thành Trung tâm Hợp tác doanh nghiệp và khởi nghiệp; xác định lại địa vị pháp lý và điều chỉnh chức năng	QĐ 24
II. Khối đào tạo		
14.	Quyết định số 58/QĐ-HĐT ngày 17/7/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Trường Kinh tế tài chính	QĐ 58
15.	Quyết định số 14/QĐ-HĐT ngày 29/9/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc đổi tên gọi Trường Luật và quản lý phát triển thành Trường Luật và quản lý	QĐ 14
16.	Quyết định số 26/QĐ-HĐT ngày 29/9/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Khoa Ngoại ngữ	QĐ 26
17.	Quyết định số 13/QĐ-HĐT ngày 29/9/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc đổi tên gọi Khoa Công nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch thành Khoa Công nghiệp văn hóa	QĐ 13
18.	Quyết định số 846/QĐ-ĐHTDM ngày 29/5/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Khoa Sư phạm thuộc Trường Đại học Thủ Dầu Một	QĐ 846
19.	Quyết định số 30/QĐ-HĐT ngày 29/9/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Khoa Kiến trúc – Xây dựng	QĐ 30
20.	Quyết định số 34/QĐ-HĐT ngày 29/9/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Viện Công nghệ số	QĐ 34
21.	Quyết định số 22/QĐ-HĐT ngày 29/9/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc sáp nhập Trung tâm đào tạo thiết kế vi mạch và trí tuệ nhân tạo vào Viện Kỹ thuật công nghệ và xác định lại địa vị pháp lý, điều chỉnh chức năng của Viện Kỹ thuật công nghệ	QĐ 22
22.	Quyết định số 38/QĐ-HĐT ngày 29/9/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Viện Công nghệ xanh và bền vững	QĐ 38
23.	Quyết định số 44/NQ-HĐT ngày 29/9/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc xác định lại địa vị pháp lý và điều chỉnh chức năng của Viện Đào tạo Y Dược	QĐ 44
24.	Quyết định số 2848/QĐ-BGDDT ngày 16/10/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an	QĐ 2848

STT	Văn bản	Link
	ninh Trường Đại học Thủ Dầu Một	
III. Khối dịch vụ		
25.	Quyết định số 28/QĐ-HĐT ngày 29/9/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc đổi tên gọi Viện Đào tạo ngoại ngữ thành Trung tâm Ngoại ngữ; điều chỉnh chức năng của Trung tâm Ngoại ngữ	QĐ 28
26.	Quyết định số 36/QĐ-HĐT ngày 29/9/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc đổi tên gọi Viện Đào tạo Công nghệ thông tin và chuyển đổi số thành Trung tâm Chuyển đổi số; và điều chỉnh chức năng của Trung tâm Chuyển đổi số	QĐ 36
27.	Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 08/12/2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Trung tâm Tư vấn Trung hòa Carbon thuộc Trường Đại học Thủ Dầu Một	NQ 06
28.	Quyết định số 67/QĐ-HĐT ngày 17/7/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Viện Đào tạo theo nhu cầu xã hội	QĐ 67
29.	Quyết định số 32/QĐ-HĐT ngày 29/9/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc điều chỉnh chức năng của Viện Đào tạo Kiến trúc, xây dựng và giao thông	QĐ 32
30.	Quyết định số 68/QĐ-HĐT ngày 17/7/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Viện Dược và thực phẩm sức khỏe	QĐ 68
31.	Quyết định số 79/QĐ-HĐT ngày 10/10/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc đổi tên gọi Viện Vovinam Toàn cầu	QĐ 79
32.	Quyết định số 86/QĐ-HĐT ngày 20/12/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một thành lập Viện Đổi mới sáng tạo TDMU trực thuộc Trường Đại học Thủ Dầu Một	QĐ 86

PHỤ LỤC 2

Thông tin lãnh đạo Trường và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường

(Kèm theo Báo cáo /BC-ĐHTDM ngày /6/2026
của Trường Đại học Thủ Dầu Một)

STT	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ	Email
I. Lãnh đạo Trường				
1.	Lê Tuấn Anh	Đảng ủy	Bí thư	letuanh@tdmu.edu.vn
2.	Trần Văn Nam	Đảng ủy	Phó Bí thư	namtv@tdmu.edu.vn
3.	Đoàn Ngọc Xuân	Ban Giám hiệu	Hiệu trưởng	xuandn@tdmu.edu.vn
4.	Ngô Hồng Điệp	Ban Giám hiệu	Phó Hiệu trưởng	diepnh@tdmu.edu.vn
5.	Vương Thế Hùng	Ban Giám hiệu	Phó Hiệu trưởng	vuongthehung@tdmu.edu.vn
6.	Bùi Thanh Khiết	Ban Giám hiệu	Phó Hiệu trưởng	khietbt@tdmu.edu.vn
II. Lãnh đạo đơn vị thuộc, trực thuộc Trường				
1	Nguyễn Thị Thương	Văn phòng	Phụ trách Văn phòng	thuongnt@tdmu.edu.vn
2	Trần Thị Kim Ngọc	Ban Tổ chức - Nhân sự	Trưởng ban	ngocttk@tdmu.edu.vn
3	Nguyễn Thy Hạ		Phó Trưởng ban	hant.tc@tdmu.edu.vn
4	Nguyễn Ngọc Hiền		Phó trưởng đơn vị	hiennn@tdmu.edu.vn
5	Phan Nguyễn Quỳnh Anh	Ban Hỗ trợ người học	Trưởng ban	anhpnq@tdmu.edu.vn
6	Khấu Hoàng Kim Thư		Phó trưởng đơn vị	thukhk@tdmu.edu.vn
7	Phạm Thanh Dũng	Ban Cơ sở vật chất	Trưởng ban	dungpt@tdmu.edu.vn

STT	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ	Email
8	Nguyễn Thế Duy		Phó Trưởng ban	duynt@tdmu.edu.vn
9	Trần Văn Trung	Ban Khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế	Trưởng ban	trungtv@tdmu.edu.vn
10	Nguyễn Thị Vinh	Ban Quản lý Đào tạo đại học	Trưởng ban	vinhnt@tdmu.edu.vn
11	Nguyễn Tấn Lộc		Phó trưởng đơn vị	locnt@tdmu.edu.vn
12	Đỗ Mạnh Tuấn		Phó trưởng đơn vị	tuandm@tdmu.edu.vn
13	Đặng Thanh Hưng	Ban Tài chính	Trưởng ban	hungdt@tdmu.edu.vn
14	Trần Thị Thanh Hằng		Phó Trưởng ban	hangttt@tdmu.edu.vn
15	Trần Cẩm Thi	Ban Đảm bảo chất lượng	Phụ trách ban	thitc@tdmu.edu.vn
16	Nguyễn Thị Mộng Ngọc		Phó Trưởng ban	ngocntm@tdmu.edu.vn
17	Ngô Hồng Minh		Phó trưởng đơn vị	minhnh@tdmu.edu.vn
18	Nguyễn Thị Hoàng Yên	Ban Kiểm soát nội bộ	Phụ trách ban	hoangyennt@tdmu.edu.vn
19	Nguyễn Minh Danh	Ban Thư viện và học liệu	Trưởng ban	danhnm@tdmu.edu.vn
20	Phạm Văn Thịnh		Phó Trưởng ban	thinhpv@tdmu.edu.vn
21	Lê Đăng Hoa	Ban Tuyển sinh và truyền thông	Phụ trách ban	hoald@tdmu.edu.vn
22	Đỗ Thị Thanh Xuân		Phó Trưởng ban	xuandtt@tdmu.edu.vn
23	Lê Thị Kim Út	Khoa Công nghiệp văn hóa	Trưởng khoa	utltk@tdmu.edu.vn
24	Lý Văn Ngoan		Phó Trưởng khoa	ngoanlv@tdmu.edu.vn
25	Nguyễn Khoa Trường An	Khoa Ngoại ngữ	Trưởng khoa	trungtv@tdmu.edu.vn
26	Bùi Đức Anh		Phó Trưởng khoa	anhbd@tdmu.edu.vn

STT	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ	Email
27	Nguyễn Ngọc Thiên Kim		Phó trưởng đơn vị	kimnnt@tdmu.edu.vn
28	Đồng Văn Toàn	Khoa Sư phạm	Trưởng khoa	toandv@tdmu.edu.vn
29	Tạ Anh Thư		Phó trưởng đơn vị	thuta@tdmu.edu.vn
30	Bùi Việt Thi	Khoa Kiến trúc - Xây dựng	Trưởng khoa	thibv@tdmu.edu.vn
31	Phan Thành Nhân		Phó Trưởng khoa	nhanpt@tdmu.edu.vn
32	Trần Thị Thanh Hằng	Trường Kinh tế tài chính	Hiệu trưởng	hangttt@tdmu.edu.vn
33	Nguyễn Văn Chiến		Phó trưởng đơn vị	chiennv@tdmu.edu.vn
34	Phan Tấn Lực		Phó trưởng đơn vị	hangttt@tdmu.edu.vn
35	Ngô Hồng Điệp	Trường Luật và quản lý	Hiệu trưởng	diepnh@tdmu.edu.vn
36	Lê Anh Vũ		Phó trưởng đơn vị	vula@tdmu.edu.vn
37	Lê Thị Minh		Phó trưởng đơn vị	minhlt@tdmu.edu.vn
38	Trần Thị Anh Thư	Viện Công nghệ xanh và bền vững	Viện trưởng	thutta@tdmu.edu.vn
39	Nguyễn Thị Kim Chung	Viện Công nghệ xanh và bền vững	Phó trưởng đơn vị	chungntk@tdmu.edu.vn
40	Bùi Việt Thi	Viện Đào tạo kiến trúc, xây dựng và giao thông	Viện trưởng	thibv@tdmu.edu.vn
41	Nguyễn Minh Thi		Phó trưởng đơn vị	thinm@tdmu.edu.vn
42	Lê Thị Thùy Dung	Viện Đào tạo Y Dược	Phụ trách viện	dungltt@tdmu.edu.vn
43	Nguyễn Hồ Quang	Viện Kỹ thuật công nghệ	Phụ trách viện	quangnh@tdmu.edu.vn
44	Lê Trường An		Phó Viện trưởng	anlt@tdmu.edu.vn
45	Phạm Tuấn Anh		Phó trưởng đơn vị	anhpt@tdmu.edu.vn
46	Bùi Thanh Khiết	Viện Công	Phụ trách viện	khietbt@tdmu.edu.vn

STT	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ	Email
47	Huỳnh Nguyễn Thành Luân	nghệ số	Phó trưởng đơn vị	luanhnt@tdmu.edu.vn
48	Ngô Hồng Diệp	Viện Đào tạo theo nhu cầu xã hội	Viện trưởng	diepnh@tdmu.edu.vn
49	Nguyễn Văn Trường		Phó Viện trưởng	truongnv@tdmu.edu.vn
50	Nguyễn Viết An		Phó Trưởng đơn vị	annv@tdmu.edu.vn
51	Nguyễn Thị Liên Thương	Viện Dược và thực phẩm sức khỏe	Phụ trách viện	thuongntl@tdmu.edu.vn
52	Nguyễn Thị Ngọc Nhi		Phó Trưởng đơn vị	nhintn@tdmu.edu.vn
53	Bùi Đặng Hồng Nhung	Viện Vovinam Toàn cầu	Phụ trách viện	nhungbdh@tdmu.edu.vn
54	Bùi Đức Anh	Trung tâm Ngoại ngữ	Giám đốc	anhbd@tdmu.edu.vn
55	Lê Nguyễn Xuân Lan		Phó Viện trưởng	lanlnx@tdmu.edu.vn
56	Nguyễn Thị Phước Bình		Phó trưởng đơn vị	binhntp@tdmu.edu.vn
57	Nguyễn Bá Duy	Trung tâm Hợp tác doanh nghiệp và Khởi nghiệp	Phụ trách trung tâm	duynb@tdmu.edu.vn
58	Trương Thị Thủy Tiên		Phó Giám đốc	tienttt@tdmu.edu.vn
59	Đoàn Ngọc Xuân	Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh	Giám đốc	xuandn@tdmu.edu.vn
60	Huỳnh Công Danh	Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh	Phó trưởng đơn vị	danhhc@tdmu.edu.vn
61	Bùi Thanh Khiết	Trung tâm Chuyển đổi số	Giám đốc	khietbt@tdmu.edu.vn
62	Hồ Đắc Hưng		Phó Trưởng đơn vị	hunghd@tdmu.edu.vn
63	Nguyễn Hiền Thân	Trung tâm Tư vấn trung hòa carbon	Phụ trách trung tâm	thanhnh@tdmu.edu.vn
64	Nguyễn Hữu Thuận	Cơ sở Bến Cát	Giám đốc	thuannh@tdmu.edu.vn

STT	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ	Email
65	Võ Trà Nam		Phó Giám đốc	namvt@tdmu.edu.vn

(Kèm theo Báo cáo /BC-ĐHTDM ngày /6/2026
của Trường Đại học Thủ Dầu Một)

```

graph TD
    A[BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ] --> B[BAN GIÁM HIỆU]
    A -.-> D[ĐOÀN THỂ]
    B <--> C[HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO VÀ CÁC HỘI ĐỒNG TỰ VẤN KHÁC]
    B --> E[KHỐI ĐÀO TẠO 10 ĐƠN VỊ]
    B --> F[KHỐI THAM MƯU, PHỤC VỤ 13 ĐƠN VỊ]
    B --> G[KHỐI DỊCH VỤ 8 ĐƠN VỊ]
    E --> H[TRƯỜNG ĐÀO TẠO 2 ĐƠN VỊ]
    E --> I[VIỆN ĐÀO TẠO 4 ĐƠN VỊ]
    E --> J[KHOA ĐÀO TẠO 4 ĐƠN VỊ]
    H --> K[TRƯỞNG KINH TẾ TẠI CHÍNH]
    H --> L[TRƯỞNG LUẬT VÀ QUẢN LÝ]
    I --> M[VIỆN CÔNG NGHỆ SỐ]
    I --> N[VIỆN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ]
    I --> O[VIỆN CÔNG NGHỆ XANH VÀ BỀN VỮNG]
    I --> P[VIỆN ĐÀO TẠO Y DƯỢC]
    J --> Q[KHOA SỬ PHẠM]
    J --> R[KHOA KIẾN TRÚC XÂY DỰNG]
    J --> S[KHOA NGOẠI NGỮ]
    J --> T[KHOA CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA]
    F --> U[VĂN PHÒNG]
    F --> V[CƠ SỞ BỀN CẮT]
    F --> W[BAN TỔ CHỨC - NHÂN SỰ]
    F --> X[BAN TÀI CHÍNH]
    F --> Y[BAN CƠ SỞ VẬT CHẤT]
    F --> Z[BAN KIỂM SOÁT NỘI BỘ]
    F --> AA[BAN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG]
    F --> AB[KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ]
    F --> AC[BAN TUYỂN SINH VÀ TRUYỀN THÔNG]
    F --> AD[BAN QUẢN LÝ ĐÀO TẠO]
    F --> AE[BAN THƯ VIỆN VÀ HỌC LIỆU]
    F --> AF[HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC]
    F --> AG[TRUNG TÂM HỢP TÁC DOANH NGHIỆP VÀ KHÔI NGHIỆP]
    G --> AH[VIỆN 4 ĐƠN VỊ]
    G --> AI[TRUNG TÂM 4 ĐƠN VỊ]
    AH --> AJ[VIỆN ĐÀO TẠO THEO NHU CẦU XÃ HỘI]
    AH --> AK[VIỆN DƯỢC VÀ THỰC PHẨM SỨC KHỎE]
    AH --> AL[VIỆN BẢO TÀO KIẾN TRÚC, XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG]
    AH --> AM[VIỆN VOVINAM]
    AI --> AN[TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ]
    AI --> AO[TRUNG TÂM CHUYÊN ĐỔI SỐ]
    AI --> AP[TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH]
    AI --> AQ[TRUNG TÂM TƯ VẤN TRUNG HÒA CARBON]
  
```